

# Mục lục

**“NGƯỜI THẦY THUỐC GIỎI ĐỒNG THỜI  
PHẢI LÀ NHƯ NGƯỜI MẸ HIỀN”**  
*Chủ tịch Hồ Chí Minh*

**SỐ 339 (9-10/2019)**

## **HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH**

- 3.** Lời Bác Hồ dạy ngày này năm xưa  
*Ban Biên tập*
- 4.** Tầm gương sáng trong công tác phòng chống dịch, bảo vệ sức khỏe bộ đội  
*Nguyễn Thị Thanh Phương*

## **CHỈ ĐẠO NGHIỆP VỤ**

- 6.** Kết quả hội thi đội phẫu thuật cứu chữa bước đầu các trung đoàn bộ binh (bộ binh cơ giới) đủ quân toàn quân năm 2019  
*Thiếu tướng PGS.TS. Nguyễn Xuân Kiên*
- 9.** Định hướng một số nội dung hoạt động được lâm sàng tại các bệnh viện quân đội  
*Thượng tá TS. Phạm Xuân Chung*

## **NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI**

- 11.** Nghiên cứu chế tạo và đánh giá hiệu quả một số trang bị pha chế thuốc tiêm truyền tại trạm quân y sư đoàn  
*TS. Nguyễn Minh Tuấn, ThS. Tạ Chí Bình, BS. Đặng Văn Hùng*
- 14.** Đáp ứng y tế trong thảm họa và nhu cầu xây dựng mô hình đội quân y đáp ứng y tế cứu trợ thảm họa trong tình hình mới  
*ThS. Lương Trung Hiếu, ThS. Trịnh Lê Nam*
- 17.** Ngộ độc methanol và ca lâm sàng điều trị tại Bệnh viện Quân y 110  
*BSCKI. Nguyễn Đức Chiến, BSCKII. Ngô Hữu Long*
- 20.** Nhận xét bước đầu tai biến, biến chứng phẫu thuật nội soi điều trị thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng tại Bệnh viện Quân y 354  
*BSCKII. Lê Trung Nghĩa, BSCKII. Phạm Văn Quỳnh*
- 24.** Đánh giá kết quả phẫu thuật u khoang bên họng có sử dụng dao siêu âm  
*BSCKI. Phạm Văn Đức, PGS.TS. Phạm Tuấn Cảnh*
- 28.** Rác thải nhựa và một số vấn đề xử lý rác thải nhựa trong hoạt động y tế  
*PGS.TS. Nguyễn Minh Hiếu*
- 32.** Đánh giá các yếu tố nguy cơ và tỉ lệ nhiễm virus viêm gan E ở 150 phụ nữ mang thai  
*ThS. Phạm Xuân Huy, TS. Đặng Thành Chung, PGS.TS. Nguyễn Linh Toàn, ThS. Nguyễn Cẩm Thạch*
- 36.** Đánh giá độ dày lớp nội trung mạc động mạch đùi nông trên 104 bệnh nhân đái tháo đường típ 2  
*BS. Nguyễn Thị Thu Thủy, BS. Nguyễn Thị Hạnh, PGS.TS. Nguyễn Minh Núi*
- 39.** Đánh giá vai trò của <sup>18</sup>FDG-PET/CT ở bệnh nhân ung thư phổi không tế bào nhỏ giai đoạn tiến triển  
*BS. Phan Quang Quân*
- 45.** Nghiên cứu một số đặc điểm hình thái hài cốt liệt sĩ tại lô E, nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Đắk-Lắk  
*TS. Nguyễn Văn Lợi, ThS. Nguyễn Tất Thọ, ThS. Phạm Hồng Thao, PGS.TS. Nguyễn Xuân Kiên*

# NGHIÊN CỨU MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI HÀI CỐT LIỆT SĨ TẠI LÔ E, NGHĨA TRANG LIỆT SĨ TỈNH ĐẮK-LẮK

TS. NGUYỄN VĂN LỢI, ThS. NGUYỄN TẮT THỌ  
ThS. PHẠM HỒNG THAO - Viện Pháp y Quân đội  
PGS.TS. NGUYỄN XUÂN KIÊN - Cục Quân y  
Phản biện khoa học: BSCKII. NGUYỄN VĂN HÒA  
Viện trưởng Viện Pháp y Quân đội

**TÓM TẮT:** Nghiên cứu tiến cứu, mô tả cắt ngang 106 mộ liệt sĩ còn thiếu thông tin chưa được xác định danh tính, tại Lô E, Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Đắk-Lắk. **Kết quả:** Tiến hành khai quật 106 mộ liệt sĩ chưa được xác định danh tính, 87,74% số mộ có hài cốt, 12,26 % số mộ có xương động vật hoặc không có hài cốt. Trong số 93 ngôi mộ có hài cốt, phát hiện 97,84% số mộ có hài cốt thuộc về 1 cá thể; 2,16% số mộ có từ 2 cá thể trở lên; 56,99% số mộ có xương hộp sọ không nguyên vẹn; 33,33% số mộ không có xương hộp sọ; 9,68% số mộ có xương hộp sọ còn khá nguyên vẹn; 82,80% số mộ có xương dài không nguyên vẹn; 10,75% số mộ có ít nhất 1 xương dài còn nguyên vẹn; 6,45% số mộ không có xương dài; 48,39% số mộ có xương chậu không nguyên vẹn; 41,93% số mộ không có xương chậu; 9,68% mộ có xương chậu còn nguyên vẹn; 21,50% số mộ không có răng; 11,83% số mộ có răng đầy đủ và nguyên vẹn; 66,67% số mộ có răng nhưng không đầy đủ; 17,20% hài cốt nhận định về giới tính; 20,43% hài cốt nhận định được về độ tuổi và 10,75% hài cốt nhận định được về chiều cao.

**Từ khóa:** Đặc điểm hình thái hài cốt, mộ liệt sĩ.

**ABSTRACT:** A prospective, cross-sectional study of 106 tombs of missing martyrs still lacks the unidentified information belonging to the E plot of DakLak martyrs cemetery. **Results:** Excavating 106 tombs of unidentified martyrs, 87.74% of the tombs have remains, 12.26% of the tombs have animal bones or do not have remains. Of 93 tombs with remains, 97.84% of the tombs belong to one individual, 2.16% of the graves have two or more individuals. 56.99% of the graves have broken skull bones; 33.33% of the tombs do not have skulls and 9.68% of the tombs have intact skulls. 82.80% of the tombs have long broken bones, 10.75% of the tombs had at least 1 long intact bone and 6.45% of the tombs do not have long bones. 48.39% of tombs have broken pelvis, 41.93% of tombs do not have pelvis, and 9.68% of tombs have intact pelvis. 21.50% of graves do not have teeth, 11.83% of tombs have full and intact teeth, 66.67% of graves have teeth but not complete. 17.20% of the remains are identified their gender; 20.43% of the remains are identified their age and 10.75% of the remains are identified their height.

**Keywords:** Morphological characteristics of remains, martyrs' tombs.

Chịu trách nhiệm nội dung: TS. Nguyễn Văn Lợi, Email: nguyenvanloi1971@gmail.com

Ngày nhận bài: 01/10/2019; mời phản biện khoa học: 11/10/2019; chấp nhận đăng: 25/10/2019.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ.

Giám định nhận dạng nói chung và giám định nhận dạng hài cốt nói riêng phải tiến hành qua nhiều bước. Trong đó, nhận dạng hình thái nhân chủng học đóng vai trò quan trọng, có tác động lớn đến sự thành công hay thất bại của công tác giám định nhận dạng. Trong quá trình giám định nhận dạng hài cốt, cần phải trả lời lần lượt các câu hỏi: Mẫu giám định có phải là xương không? Xương người hay xương động vật? Xương của người có độ tuổi bao nhiêu, chủng tộc nào, giới tính gì, có đặc điểm đặc biệt gì? Xương này thuộc về cá thể nào?

Trong kết luận giám định nhận dạng, sự phù hợp của tất cả các yếu tố là điều kiện tiên quyết ngay cả khi kết quả phân tích ADN có trùng khớp với với các mẫu thân nhân trong khi vị trí, thời

điểm mất tích, các di vật cá nhân và các đặc điểm về hình thái nhân chủng không phù hợp với cá thể cần giám định thì cũng cần nghiên cứu kĩ, có khi phải loại trừ. Đến nay, thực tiễn giám định nhiều trường hợp hài cốt liệt sĩ không còn nguyên vẹn hoặc bị lẫn lộn nhiều phần hài cốt, nhiều bộ hài cốt trong một phần mộ; việc kết hợp nhiều phương pháp truyền thống đến hiện đại là yêu cầu bắt buộc để đưa ra kết luận nhận dạng có độ chính xác cao nhất.

Lô E, Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Đắk-Lắk là khu mộ của các liệt sĩ thuộc Trung đoàn 25, B3, Tây Nguyên (hi sinh khi làm nhiệm vụ chốt chặn quân địch tại Quốc lộ 14, Đèo Hà Lan) và liệt sĩ thuộc các đơn vị khác được quy tập vào nghĩa trang song không có thông tin hoặc thiếu thông tin, hiện chưa xác định được danh tính.

Chúng tôi thực hiện nghiên cứu này nhằm đánh giá đặc điểm hình thái hài cốt liệt sĩ chưa xác định được danh tính thuộc các phần mộ tại Lô E, Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Đắk-Lắk.

## 2. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.

### 2.1. Đối tượng nghiên cứu:

106 mộ liệt sĩ còn thiếu thông tin, tại Lô E, Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Đắk-Lắk.

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu:

Thiết kế nghiên cứu: Tiến cứu, mô tả cắt ngang.

Nội dung nghiên cứu: Mô tả đặc điểm hình thái, đo kích thước trên xương.

Phương pháp nghiên cứu:

- Các đặc điểm mô tả: Trên xương sọ: Trần ồ mắt, thân xương chũm, ụ chằm, ổ mắt, trán, ụ trán, xương hàm dưới, vòm miệng, đường khớp. Trên xương dài: tính nguyên vẹn, diện khớp, đặc điểm đầu xương, thân xương. Trên xương chậu: Góc mu, lỗ bịt, khuyết hông to, ổ cối, hố chậu lớn

- Các đặc điểm đo đạc: Dài sọ, rộng sọ, cao sọ, chiều dài toàn bộ xương dài, độ cong xương đùi, chiều cao xương chậu...

- Thu thập các dữ liệu nhận dạng hài cốt: Theo một mẫu thống nhất (phiếu nhận giám định nhận dạng hài cốt) bao gồm: Thông tin ghi trên bia mộ. Thông tin quy tập: Nguồn thông tin, địa điểm quy tập, vị trí, thời gian quy tập. Dữ liệu về hài cốt: Có hài cốt, không hài cốt, số cá thể, xương hộp sọ, xương chậu, xương dài, các xương khác, đặc điểm xương răng (nguyên vẹn, mất đầu, gãy rời thành nhiều mảnh), tính chất xương (cứng chắc, mủn, mục). Đặc điểm hình thái để đánh giá độ tuổi. Đặc điểm hình thái để đánh giá giới tính. Đặc điểm hình dáng hàm và răng (mất răng, gãy, vầu, lệch, răng nanh, răng số 8). Đặc điểm đặc biệt (dị tật, chấn thương, bệnh lý).

## 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU.

### 3.1. Đặc điểm các loại mộ (n = 106):

- Có hài cốt: 93 mộ (87,74%).

- Không có hài cốt hoặc có xương động vật: 13 mộ (12,26%).



Một ngôi mộ không có hài cốt.

### 3.2. Số cá thể hài cốt trong 1 mộ (n = 106):

- Không có cá thể nào: 13 mộ (12,26%).

- Có 01 cá thể: 91 mộ (85,85%).

- Có 02 cá thể trở lên: 2 mộ (1,89%).

### 3.3. Đặc điểm xương sọ (n = 93):

- Đặc điểm chung (n = 93):

+ Không có xương sọ: 31 mộ (33,33%).

+ Xương nguyên vẹn: 9 mộ (9,68%).

+ Xương không nguyên vẹn: 53 mộ (56,99%).

- Đặc điểm nhận dạng xương sọ (n = 9):

Bảng 1. Đặc điểm nhận dạng xương sọ.

| Đặc điểm                                          | Kết quả |   |   |
|---------------------------------------------------|---------|---|---|
|                                                   | 1       | 2 | 3 |
| Trần ồ mắt (1: rộng, 2: trung bình, 3: nhỏ)       | 7       | 2 | - |
| Thân xương chũm (1: rộng, 2: trung bình, 3: nhỏ)  | 3       | 5 | 1 |
| Ụ chằm (1: cao, rõ; 2: thấp, mờ)                  | 6       | 2 | 1 |
| Ổ mắt (1: hình vuông, 2: hình tròn)               | 5       | 4 | - |
| Trán (1: dốc, ít tù; 2: tù, đầy đặn)              | 6       | 3 | - |
| Ụ trán (1: rộng, 2: trung bình, 3: nhỏ)           | 5       | 4 | - |
| Xương hàm dưới (1: to; 2: nhỏ)                    | 7       | 2 | - |
| Vòm miệng (1: to, chữ U; 2: nhỏ, parabol)         | 6       | 3 | - |
| Đường khớp (1: đã liền, 2: liền ít, 3: chưa liền) | 2       | 3 | 4 |

Hộp sọ còn khá nguyên vẹn có thể đo được các chỉ số chiều rộng, chiều cao, đường kính trước sau và đánh giá được các đặc điểm nhân chủng.

### 3.4. Đặc điểm xương dài:

- Đặc điểm chung (n = 93):

+ Không có xương dài: 6 mộ (6,45%).

+ Xương nguyên vẹn: 10 mộ (10,75%).

+ Xương không nguyên vẹn: 77 mộ (82,80%).

- Chiều dài các xương nguyên vẹn (n = 10):

Bảng 2. Chiều dài xương dài nguyên vẹn.

| TT | Mã số mộ | Xương dài      | Chiều dài |
|----|----------|----------------|-----------|
| 1  | M4-H4    | Đùi phải       | 42 cm     |
|    |          | Chày phải      | 34,5 cm   |
|    |          | Cánh tay phải  | 29 cm     |
| 2  | M9-H4    | Chày trái      | 36 cm     |
| 3  | M12-H4   | Chày phải      | 35,5 cm   |
|    |          | Chày trái      | 35,5 cm   |
| 4  | M7-H5    | Chày phải      | 33 cm     |
| 5  | M6-H6    | Đùi phải, trái | 44 cm     |

|    |          |               |           |
|----|----------|---------------|-----------|
|    |          | Chày trái     | 32 cm     |
| TT | Mã số mộ | Xương dài     | Chiều dài |
| 6  | M3-H6    | Đùi phải      | 39 cm     |
|    |          | Đùi trái      | 39 cm     |
|    |          | Chày trái     | 33,3 cm   |
|    |          | Cánh tay trái | 27,5 cm   |
| 7  | M8-H7    | Đùi trái      | 40,5 cm   |
|    |          | Cánh tay      | 28,5 cm   |
|    |          | Trụ trái      | 24 cm     |
| 8  | M11-H7   | Đùi phải trái | 47 cm     |
| 9  | M9-H3    | Đùi phải      | 39 cm     |
|    |          | Cánh tay phải | 29 cm     |
| 10 | M17-H4   | Đùi trái      | 41,5 cm   |

10 trường hợp xương dài còn nguyên vẹn và đã đo đạc được chiều dài của xương để xác định tầm vóc của hài cốt.

### 3.5. Đặc điểm xương chậu:

- Đặc điểm chung (n = 93):
- + Không có xương chậu: 39 mộ (41,93%).
- + Xương nguyên vẹn: 9 mộ (9,68%).
- + Xương không nguyên vẹn: 45 mộ (48,39%).
- Đặc điểm hình thái xương chậu (n = 9):

Bảng 3. Đặc điểm hình thái xương chậu.

| Đặc điểm                                           | 1 | 2 |
|----------------------------------------------------|---|---|
| Xương chậu toàn bộ (1: to, thô; 2: nhỏ, nhẵn)      | 7 | 2 |
| Góc mu (1: hình chữ V; 2: hình chữ U)              | 9 | 0 |
| Lỗ bịt (1: rộng; 2: hẹp)                           | 5 | 4 |
| Ổ cối (1: rộng; 2: nhỏ)                            | 9 | 0 |
| Khuyết hông to (1: nhỏ, hẹp; 2: to, rộng)          | 2 | 7 |
| Cánh chậu (1: cao, đứng dọc; 2: thấp, bè)          | 8 | 1 |
| Hố chậu nhỏ (1: hình trái tim; 2: hình tròn, elip) | 9 | 0 |
| Hố chậu lớn (1: nhỏ, 2: rộng)                      | 8 | 1 |

9 trường hợp có xương chậu 1 bên hoặc 2 bên còn nguyên vẹn, có thể đánh giá được đặc điểm hình thái và tất cả đều có đặc điểm của xương chậu nam giới

### 3.6. Đặc điểm răng:

- Đặc điểm chung (n = 93):
- + Không có răng: 20 mộ (21,50%).
- + Răng đủ, nguyên vẹn: 11 mộ (11,83%).
- + Răng không đầy đủ: 62 mộ (66,67%).
- Đặc điểm hình thái bộ răng có giá trị nhận dạng (n = 49):

- + Răng giả: 4 trường hợp (8,2%).
- + Răng khênh: 2 trường hợp (4,1%).
- + Răng số 8 mọc lệch: 10 trường hợp (20,4%).
- + Răng số 8 mới nhú: 27 trường hợp (55,1%).
- + Chưa có răng số 8: 3 trường hợp (6,1%).
- + Răng vỡ cũ: 1 trường hợp (2,0%).
- + Khuyết răng cũ: 2 trường hợp (4,1%).

3.7 Khả năng nhận dạng về giới tính, độ tuổi và chiều cao:

Bảng 4. Khả năng nhận dạng về giới tính, độ tuổi, chiều cao (n = 93).

| Giá trị nhận dạng | Khả năng nhận dạng |             |
|-------------------|--------------------|-------------|
|                   | Được               | Không được  |
| Giới tính         | 16 (17,20%)        | 77 (82,80%) |
| Độ tuổi           | 19 (20,43%)        | 74 (79,57%) |
| Chiều cao         | 10 (10,75)         | 83 (89,25%) |

## 4. BÀN LUẬN.

### 4.1. Đặc điểm mộ và số lượng cá thể:

Bước đầu tiên của quá trình giám định hình thái là phải xác định trong mộ có xương không, nếu có xương thì phải xác định có đúng xương người không và nếu không có hoặc xương đó là xương động vật thì quá trình giám định sẽ dừng lại. Nếu là xương người, phải tiếp tục nhận dạng số cá thể có thể có trong 1 mộ bằng phương pháp hình thái học. Đây là yêu cầu bắt buộc phải tiến hành trước khi thực hiện các phương pháp nhận dạng khác như xác định độ tuổi, giới tính, chiều cao...

Việc xác định không đúng là xương người hoặc số cá thể hài cốt trong mộ dẫn đến tình trạng sai sót khi kết luận, đồng thời gây tổn kém khi vẫn triển khai xét nghiệm ADN. Trong các trường hợp thiếu cán bộ chuyên môn hoặc trình độ chuyên môn hạn chế, sẽ dễ dẫn đến tình trạng 1 ngôi mộ có xương động vật mà vẫn tiến hành giám định hình thái và lấy mẫu cho xét nghiệm ADN. Cũng có khi có hài cốt được cho là của 1 người, nhưng thực tế là của ít nhất 2 người hoặc nhiều hơn 2 người, hoặc mộ tập thể, thì khi lấy mẫu xét nghiệm sau đó so sánh với mẫu thân nhân, chỉ nhận dạng được 1 người. Cũng có thể không xác định được liệt sĩ nào, vì khi so sánh mẫu hài cốt của liệt sĩ này với mẫu sinh phẩm của thân nhân liệt sĩ khác [1].

Trước khi giám định hình thái hài cốt trong nghiên cứu này, chúng tôi đã được tiếp cận thông tin cho thấy mỗi mộ chỉ có 1 một bộ hài cốt của 1 liệt sĩ. Song khi giám định thực tế, chúng tôi phát hiện có tới 11 trường hợp không có hài cốt và 02 trường hợp chỉ có xương động vật (tổng số 13

trường hợp không có hài cốt), chiếm tỉ lệ 12,26% trong 106 mộ chưa xác định được danh tính tại Lô E, Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Đắk-Lắk. Trong số 93 mộ có hài cốt, phát hiện 02 ngôi mộ (1,89%) có nhiều hơn 1 cá thể. Điều này cho thấy công tác giám định hình thái là vô cùng quan trọng, nhằm loại bỏ các trường hợp không có hài cốt (không có xương hoặc xương động vật), cũng như việc phân loại về số lượng cá thể trong 1 mộ bằng hình thái học.

Thực tiễn công tác giám định của Viện Pháp Y Quân đội cho thấy, một số ngôi mộ được cho là của liệt sĩ, đã được gia đình thờ cúng nhiều năm, đi kèm với đó là các vấn đề tâm linh, thần thánh hóa, nhưng khi tiến hành giám định thì xương đó không phải là hài cốt mà là xương động vật.

Khi một bộ xương không đầy đủ, lại bị mủn mục thì căn cứ để xác định số cá thể trong 1 ngôi mộ sẽ rất khó khăn. Trong nghiên cứu này, đa số các trường hợp, chúng tôi chỉ dựa vào các xương dài như xương đùi, xương chày, xương cánh tay [2]. Mỗi cá thể có 2 xương đùi, 2 xương chày, 2 xương cánh tay, các cặp xương đối xứng 2 bên, có kích thước tương đương, có các đặc điểm cấu trúc giống nhau. Một cá thể không thể có nhiều hơn 1 cặp xương hoặc không thể có 2 xương cùng loại ở cùng bên trái hoặc bên phải [1], [3].

#### 4.2. Đặc điểm hài cốt:

Quá trình khai quật 106 ngôi mộ, chúng tôi thấy 93 mộ có hài cốt, trong đó chỉ có 9 mộ có xương hộp sọ còn khá nguyên vẹn (chiếm 9,68%). Các hộp sọ còn khá nguyên vẹn này có thể đo được các chỉ số như chiều rộng, chiều cao, đường kính trước sau và đánh giá được các đặc điểm nhân chủng. Tuy nhiên, khi đưa ra khỏi tiểu hoặc loại bỏ được đất cát thì các xương sọ đều gãy vỡ do xương quá mủn, đất dúc chặt trong hộp sọ, rất khó khăn trong quá trình làm sạch. Nếu cố gắng loại bỏ được đất thì hộp sọ cũng khó giữ được nguyên vẹn.

Đặc điểm hình thái mô tả và đặc điểm đo đạc của xương hộp sọ cho ta những dữ liệu nhận định về chủng tộc, giới tính, độ tuổi và các đặc điểm đặc biệt của một số cá thể. Tuy nhiên, để áp dụng các phương pháp nhận dạng cá thể bằng kỹ thuật phức tạp hơn như lồng ảnh, tái tạo khuôn mặt từ hộp sọ thì xương sọ phải nguyên vẹn, nhất là phần sọ mặt [4]. Trong nghiên cứu này, tỉ lệ xương sọ còn nguyên vẹn rất thấp (9,68%). Mặt khác, xương sọ không còn đủ chắc, không còn nguyên vẹn về phần sọ mặt. Do đó, không thể dựng hình hộp sọ và không thể chụp ảnh được. Một điều quan trọng nữa là rất nhiều liệt sĩ không có ảnh chân dung hoặc có ảnh, nhưng đã quá cũ do thời gian hay ảnh phục chế bằng vẽ truyền thần, nên

thiếu tính chính xác, không thể áp dụng các kỹ thuật đã nêu. Đây là một khó khăn khi giám định nhận dạng hình thái học đối với hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin đã lâu năm của chúng ta hiện nay.

Trong nghiên cứu này, đo đạc chỉ số xương hộp sọ chỉ thực hiện được đối với một vài chỉ số cơ bản, như dài sọ, rộng sọ, cao sọ... Vì đa số xương hộp sọ không còn nguyên vẹn hoặc nếu chỉ nguyên vẹn khi còn nằm trong tiểu sành hoặc đã bị đất cát dúc chặt bên trong, khi đem ra khỏi tiểu để khám nghiệm thì thường bị vỡ vụn hoặc không giữ được hình thái ban đầu hoặc không thể loại bỏ được đất cát. Vì vậy, việc chụp ảnh và đo đạc các chỉ số xương sọ hầu như rất hạn chế hoặc không thực hiện được [4].

Các xương dài có nhiều ý nghĩa trong nhận dạng, như giúp phân loại được số lượng cá thể trong 1 mộ, xác định tầm vóc, độ tuổi của hài cốt hay các dấu hiệu đặc biệt trên xương giúp cho việc nhận dạng cá thể... Với các xương dài còn nguyên vẹn, cơ hội thành công trong xét nghiệm ADN hài cốt cũng cao hơn, bởi cấu trúc xương được bảo vệ thì cấu trúc ADN cũng ổn định và được lưu giữ lâu hơn. Trong nghiên cứu này, chúng tôi thấy sự nguyên vẹn của các xương dài có tỉ lệ rất thấp. Điều đó gây khó khăn cho cả công tác nhận dạng và cho cả việc thu mẫu hài cốt phục vụ giám định ADN. Kết quả nghiên cứu này cũng phù hợp với nghiên cứu của nhiều tác giả khác và các lần khai quật của Viện Pháp y Quân đội khi giám định hài cốt liệt sĩ lâu năm.

Chiều dài xương và chiều cao cơ thể có mối tương quan. Để có thể đánh giá tầm vóc thông qua chiều dài của các xương dài, người ta sử dụng các công thức tính chiều cao cơ thể từ từng loại xương. Các xương hay được sử dụng chiều dài để đánh giá chiều cao cơ thể là xương đùi, xương cẳng chân, xương cánh tay. Chúng tôi thấy 10 mộ (trong số 93 mộ có hài cốt) có ít nhất 1 xương dài còn nguyên vẹn và có thể đo được chiều dài xương như ở bảng 2. Qua nghiên cứu thực tiễn các mộ liệt sĩ ở Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Đắk-Lắk và các mộ liệt sĩ quy tập ở các nghĩa trang liệt sĩ khác, thấy rằng hài cốt đã bị biến đổi rất nghiêm trọng, kể cả các cấu trúc xương rất vững chắc cũng đã bị phân hủy theo thời gian. Điều này cho thấy ngày càng khó khăn hơn trong công tác xác định danh tính hài cốt liệt sĩ trong thời gian tiếp theo.

Giá trị nhận dạng của xương chậu cũng có nhiều ý nghĩa trong việc ước lượng tuổi trẻ em và nhận định về giới tính ở người trưởng thành. Trong nghiên cứu của chúng tôi, chỉ 9 trường hợp có xương chậu một bên hoặc hai bên còn nguyên vẹn, có thể đánh giá được các đặc điểm. Qua

phân tích, thấy 9 trường hợp này đều có đặc điểm của xương chậu nam giới. Việc đánh giá về giới tính sẽ chính xác hơn nếu như có sự phối hợp được đặc điểm của xương sọ, xương chậu và các xương khác. Tuy nhiên, điều này trong nghiên cứu là khá khó khăn, bởi hầu như không trường hợp hài cốt nào có đầy đủ các xương để đánh giá. Tuy vậy, nhận định về giới tính qua xương chậu cũng có độ chính xác tương đối cao và có ý nghĩa trong việc giám định nhận dạng hài cốt lâu năm.

#### 4.3. Đặc điểm răng:

Răng và hàm răng có ý nghĩa rất lớn trong nhận dạng hài cốt về mặt hình thái học cũng như nguồn mẫu cho xét nghiệm ADN. Đối với các nước tiên tiến, việc quản lý hồ sơ răng của các binh sĩ mang tính hệ thống, chi tiết và cập nhật. Cách đây hơn 50 năm, lính Mỹ tham chiến trên các chiến trường đã được thiết lập hồ sơ sinh học cá nhân, trong đó có hồ sơ răng một cách hệ thống và chi tiết. Vì vậy, việc tìm kiếm quân nhân Mỹ mất tích thuận lợi hơn nhiều, nhất là khi có được mẫu hài cốt là răng và hàm răng. Ngày nay, ở nhiều nước trên thế giới, các đối tượng làm nhiệm vụ đặc biệt cũng được thiết lập và lưu giữ hồ sơ sinh học phục vụ giám định nhận dạng, trong đó có hồ sơ răng [5]. Ngoài việc quản lý sức khỏe quân nhân, nó còn có ý nghĩa trong nhận dạng khi cần thiết.

Ở Việt Nam, trong chiến tranh, không có điều kiện để thực hiện công tác lưu trữ cho giám định nhận dạng. Do vậy, thường thiếu các dữ liệu nhận dạng, trong đó có hồ sơ răng. Tuy nhiên, trong điều kiện Việt Nam, công tác nhận dạng hiện nay cũng có thể thực hiện được qua hồ sơ răng từ việc điều tra thông tin sinh học của liệt sĩ, trong đó có lịch sử nha khoa. Các đặc điểm đặc biệt về răng có thể được khai thác và trong một số trường hợp, chúng ta có các căn cứ quan trọng cho nhận dạng, nhất là các dấu hiệu về răng có tính chất duy nhất.

4.4. Khả năng nhận dạng về giới tính, độ tuổi và chiều cao:

Chỉ 45 trường hợp nhận định được về độ tuổi, giới tính và chiều cao, trong đó có 16 trường hợp (17,20%) nhận định về giới tính đều là nam; 19 trường hợp (20,43%) nhận định được về độ tuổi; 10 trường hợp (10,75%) nhận định được về chiều cao. 16 trường hợp nhận định được về giới tính chủ yếu căn cứ vào đặc điểm hình thái xương sọ, xương chậu hoặc kết hợp xương sọ với xương chậu. 19 trường hợp nhận định được về độ tuổi chủ yếu căn cứ vào đặc điểm cốt hóa của khớp xương sọ, cốt hóa đầu xương dài, đặc điểm răng hoặc kết hợp các đặc điểm nêu trên. 10 trường

hợp nhận định được về chiều cao thông qua các xương dài còn nguyên vẹn.

Như vậy, trong nghiên cứu của chúng tôi, tính nguyên vẹn của 1 bộ hài cốt trong 1 ngôi mộ hầu như không có, các đặc điểm nhận dạng để đánh giá về độ tuổi, giới tính, chiều cao cũng chỉ mang tính đơn lẻ cho từng phần của hài cốt có trong 1 ngôi mộ.

#### 5. KẾT LUẬN.

Nghiên cứu đặc điểm hình thái hài cốt của 106 mộ liệt sĩ đã được quy tập, chưa xác định được danh tính, thuộc Trung đoàn 25, B3, Tây Nguyên, tại Lô E, Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Đắk-Lắk, chúng tôi có kết luận:

- Phát hiện 93 ngôi mộ (87,74%) có hài cốt, 13 ngôi mộ (12,26%) không có hài cốt (không có xương hoặc chỉ có xương động vật); 91 mộ (85,85%) có hài cốt của 1 người, 2 mộ (1,89%) có hài cốt của ít nhất 2 người.

- Trong 93 ngôi mộ có hài cốt, phát hiện 9 mộ (9,68%) xương hộp sọ còn khá nguyên vẹn; 10 mộ (10,75%) có ít nhất 1 xương dài còn nguyên vẹn, 9 mộ (9,68%) xương chậu còn nguyên vẹn, 11 mộ (11,83%) có răng đầy đủ và nguyên vẹn, 62 mộ (66,67%) răng còn nhưng không đầy đủ.

- Khả năng nhận dạng: trong 93 ngôi mộ có hài cốt, chỉ 45 trường hợp nhận định được về độ tuổi, giới tính và chiều cao, trong đó có 16 trường hợp (17,20%) nhận định được về giới tính; 19 trường hợp (20,43%) nhận định được về độ tuổi; 10 trường hợp (10,75 %) nhận định được về chiều cao và 49 trường hợp (52,69%) răng có đặc điểm nhận dạng.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Adams B, Konigsberg L.W (2004), "Estimation of the most likely number of individuals from commingled human Skeletal remains", *American Journal of Ethysical Anthropology*, 125: 138-151.
2. Haglund W.D (2001), "Archaeology and forensic death investigations", *Historical Archaeology* 35: 26-34.
3. Haglund W.D, Reay D.T, Swindler D.R (1988), "Tooth mark artifacts and survival of bones in animal scavenged human Skeletons", *Journal of Forensic Sciences*, 33: 985-997.
4. Pierre C (1972), "Facial Identification technique, Raleigh, North Carolina. Ceccaldi P. (1980), "Identification humaine", *Criminalistique, Laboratoire de Criminalistique*, Paris, pp. 53-57.
5. Smith B.H (1991), "Standards of human tooth formation and dental age assessment", In: M.A Kelley and C.S Larsen (eds.) *Advances in Dental Anthropology*, New York, pp. 143-168. □